

Bản án số: 107/2026/KDTM-ST

Ngày: 10/6/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2025/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2026/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2026/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công Ty TNHH X

Trụ sở: Số B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Huỳnh Lan P

Địa chỉ: Số H đường S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2025)

2. Bị đơn: Công Ty Cổ Phần K

Trụ sở: Số C N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M - Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2025, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Huỳnh Lan P trình bày:*

Chi nhánh Công ty TNHH X – Nhà máy sản xuất vải địa kỹ thuật APT (gọi tắt “Nhà máy APT”), mã số doanh nghiệp: 0303990187-002, địa chỉ: Lô F, Đường số A, KCN H, Xã Đ, Tỉnh Tây Ninh là chi nhánh thuộc Công ty TNHH X (gọi tắt “Công ty X”) và Công ty Cổ phần K (gọi tắt “Công ty K”), có ký kết Hợp đồng kinh tế số 012424/HĐKT-APT ngày 15/01/2024 thỏa thuận thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa “Vải địa kỹ thuật”. Theo nội dung hợp đồng Bên A: Công ty X bán hàng vải địa kỹ thuật cho bên B: Công ty K theo số lượng chủng loại trong Hợp đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế đã ký, quy định lãi chậm thanh toán là 18%/năm, tính trên tổng số tiền chậm thanh toán, thời gian tính lãi kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Công ty K thanh toán đầy đủ cho Công ty X.

Công ty X đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng, bao gồm giao hàng đúng tiến độ, số lượng và chủng loại phù hợp, thời gian và địa điểm giao hàng theo đúng thỏa thuận.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không tuân thủ theo mốc thời hạn thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến tình trạng nợ kéo dài.

Ngày 30/9/2024, phía nguyên đơn và Công ty K lập biên bản đối chiếu công nợ. Công ty K còn nợ Công ty X tổng số tiền nợ gốc là 363.102.972 đồng. Do đó tiền lãi chậm thanh toán là 20 tháng 11 ngày (tương đương 618 ngày), kể từ ngày hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ là ngày 30/9/2024 đến ngày Tòa án xét xử 10/06/2026.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và trực tiếp đến trụ sở bị đơn tại địa chỉ số C Nhất C, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ này và liên hệ với người đại diện theo pháp luật là ông Dương Công M nhưng vẫn không hợp tác thanh toán phần công nợ quá hạn nêu trên.

Trong suốt thời gian qua, Công ty TNHH X đã thể hiện thiện chí, chủ động hỗ trợ Công ty K bằng việc cho phép chia nhỏ khoản công nợ để thanh toán. Tuy nhiên, đến nay, Công ty K vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần K vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Công ty X kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – buộc Công ty K thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc là 363.102.972 đồng.

2. Buộc Công ty K thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán công nợ cho Công ty X theo mức 18%/năm, được quy định tại Hợp đồng kinh tế số 012424/HĐKT-APT, kể từ ngày 30/9/2024 đến ngày 10/6/2026. Khoản 4 Điều 4

của Hợp đồng kinh tế đã ký, quy định lãi chậm thanh toán là 18%/năm. Tổng số tiền lãi suất chậm trả tạm tính là 363.102.972 đồng x 18%/năm x (618/365) năm = 110.661.848 đồng (Bằng chữ: *Một trăm mười triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng*). Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên và trình bày:

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả mà Công ty X buộc Công ty K phải trả tạm tính đến ngày 10/6/2026 là 473.764.820 đồng. Trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 363.102.972 đồng và số tiền chậm thanh toán là 110.661.848 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán số tiền nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên. Yêu cầu thanh toán nợ gốc và tiền lãi một lần duy nhất ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Công ty Cổ phần K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

[3] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công Ty TNHH X và Công Ty Cổ Phần K có xác lập giao dịch về mua bán hàng hóa là “Vải địa kỹ thuật” theo Hợp đồng kinh tế số 012424/HĐKT-APT ký ngày 15/01/2024. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền lãi

chậm trả. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2015, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Nguyên đơn Công Ty TNHH X có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công Ty Cổ Phần K. Bị đơn C có địa chỉ trụ sở tại Số C N, phường T, TP . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:

Theo Hợp đồng kinh tế số 012424/HĐKT-APT ký ngày 15/01/2024 được xác lập giữa Công ty TNHH X (thông qua Chi nhánh Nhà máy sản xuất vải địa kỹ thuật APT) và Công ty Cổ Phần K, mục đích ký kết hợp đồng để hợp tác mua bán hàng hóa và các bên đều là chủ thể của quan hệ dân sự. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Phía Công ty TNHH X cho rằng: Ngày 15/01/2024, hai bên ký kết Hợp đồng kinh tế số 012424/HĐKT-APT để thực hiện mua bán mặt hàng "Vải địa kỹ thuật". Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng về việc giao hàng đúng tiến độ, số lượng và chủng loại. Ngày 30/09/2024, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ xác định Công ty K còn nợ số tiền gốc là 363.102.972 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán ngay số tiền nợ gốc này. Đồng thời, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất thỏa thuận tại khoản 4 Điều 4 Hợp đồng là 18%/năm (tương đương 1.5%/tháng) tính từ ngày 30/09/2024 đến ngày 10/6/2026 là 110.661.848 đồng và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/09/2024, phía bị đơn đã thừa nhận số nợ gốc chưa thanh toán là 363.102.972 đồng. Cho đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005. Về phần tiền lãi chậm thanh toán, các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 18%/năm tại khoản 4 Điều 4 của hợp đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Do đó, có đầy đủ cơ sở để xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH X, buộc Công ty Cổ Phần K có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ là 473.764.820 đồng. Trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 363.102.972 đồng và tiền lãi đến ngày 10/6/2026 là 110.661.848 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên

tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 363.102.972 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 10/6/2026 là 110.661.848 đồng, tổng cộng là 473.764.820 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 306 Luật thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công Ty TNHH X:

Buộc Công ty Cổ Phần K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH X tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả (tính đến ngày 10/6/2026) là 473.764.820 đồng. Thanh toán một lần duy nhất ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ Phần K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ Phần K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 22.950.593 đồng tính trên tổng số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán.

Hoàn lại cho Công ty TNHH X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.833.736 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029671 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn (Công ty TNHH X) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/06/2026).

Bị đơn (Công ty Cổ Phần K) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận